TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ VÕ
TỈNH BẮC NINH

Bản án dân sự sơ thẩm
Số: 09/2018/DSST.
Ngày 10/9/2018.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ VÕ

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng.

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Hãn, Ông Nguyễn Thế Sách;

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Hòa, Cán bộ Tòa án.

Đại diện VKS nhân dân huyện Quế Võ: Ông Đặng Thanh Minh-Kiểm sát viên.

Ngày 10/9/2018, Tòa án nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản thụ lý số 56/2018/TLST-DS ngày 08/6/2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐXX-ST, ngày 09/8/2018 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn Nghiêm Xá, xã Việt Hùng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh; (Có mặt)

Bị đơn: Chị Lại Thị N, sinh năm 1973

Anh Nguyễn Mậu T, sinh năm 1971

Cùng địa chỉ: Thôn Mao Lại, xã Phượng Mao, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị C trình bày: Chị và vợ chồng anh T có quen biết nhau vì nhà anh T làm quán Karaoke và chồng chị bán loa đài âm thanh nên có lắp đồ cho các nhà hàng gần nhà anh T. Nhà anh T có bảo chồng chị lắp đồ cho quán nhà anh ấy nhưng lại muốn lắp chịu một thời gian nên chồng chị không đồng ý. Cũng vì thế mà nhà chị và anh T có quen biết. Thời gian đầu 2017 anh T có điện thoại vay tiền của chị vài lần và chị thì thấy nhà anh ấy kinh tế khá giả nên chị có tin tưởng cho anh T vay tiền. Khoảng giữa năm 2017 anh T nói cho gia đình anh ấy vay nóng 800.000.000đ để đảo sổ ngân hàng chỉ trong thời hạn một, hai tuần thôi. Vì thấy gia đình anh T kinh doanh có nhà cửa đầy đủ nên chị nhất trí cho vợ chồng anh T vay tiền. Vợ chồng anh T vay tiền lúc đó mình anh T đứng ra viết giấy vay tiền của chị và đưa sổ đỏ cho chị giữ làm tin. Thời hạn cho vay là khoảng 01 tháng đổ lại nhưng đến hẹn vợ chồng anh T không thanh toán tiền. Vợ anh T, chịN nhắn chị mang sổ đỏ lên nhà chị ấy để chị ấy vay ngân hàng trả nợ tiền chi. Ngày 02/8/2017 chị mang sổ đỏ đến, vợ chồng chịN trả cho chị được 400.000.000đ và bảo chị đưa sổ đỏ lại cho chị ấy vay tiền ngân hàng để trả nốt cho chị. Tin tưởng nên chị có đưa lại sổ đỏ trả cho chị ấy. Vợ chồng chịN viết giấy tờ ký nhận còn nợ lại của chị số tiền 400.000.000đ. Trong giấy vay hai bên quy định rõ là trong khoảng thời gian 02 đến 03 tháng là phải trả hết tiền cho chị. Ngày 10/11/2017

(âm lịch) chịN trả nợ cho chị số tiền 40.000.000đ. Khi chịN trả nợ có yêu cầu chị viết nội dung nhận tiền luôn dưới giấy vay nợ khi chị viết xong chịN lại yêu cầu chị viết T một tờ nhận nợ riêng giao cho chịN giữ làm tin. Vì tin tưởng có sao viết vậy nên chị đã viết nhận tiền theo yêu cầu của chịN. Thời gian sau vợ chồng anh T vẫn không thanh toán nợ cho chị mà cứ khất lần cho nên đến nay chị mới phải khởi kiện. Chị đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh T, chịN trả nợ cho chị số tiền vay là 360.000.000đ tiền gốc và số tiền lãi của số tiền vay theo mức lãi mà ngân hàng cho vay là 0,8%/tháng; Thời gian tính lãi kể từ ngày viết giấy vay đến nay.

Phía bị đơn chị Lại Thị N có lời khai trình bày: Chị là vợ anh T. Chị với cô C không hề có quen biết gì cả. Ngày 01/9/2017 cô C đến nhà chị đòi nợ thì lúc đó chị mới biết cô C và biết việc chồng chị (anh T) nợ tiền cô C. Chị không biết anh T vay để làm gì nhưng tính chồng chị cờ bạc lô đề rất ghê. Anh T từ trước đến nay không lo lắng gì cho gia đình vợ con mà chỉ ham chơi. Khi cô C đến nhà thì có đưa giấy anh T vay số tiền 800.000.000đ và nói anh T đã cắm sổ đỏ của nhà chị cho cô ấy. Lúc đó chị mới biết sự việc. Vì là vợ chồng, chị không bỏ mặc anh T được nên đành phải đứng ra trang trải nợ nần của anh T mà chị biết rõ tiền đó anh ấy vay chỉ để chơi bời bản thân chứ không hề mang về cho gia đình đồng nào. Chị trả nợ cho anh T 400.000.000đ và vợ chồng chị ký nhận nợ số tiền 400.000.000đ còn lại với cô C. Giấy biên nhận cô C nộp cho Tòa án là do vợ chồng chị ký. Số tiền 400.000.000đ cho đến nay chị đã trả được 02 lần mỗi lần 40.000.000đ (tổng cộng đã trả 80.000.000đ cùng vào ngày 10/11/2017 âm lịch); Như vậy nợ gốc còn lại vợ chồng chị chỉ còn nợ là 320.000.000đ. Quan điểm của chị tuy thực tế chị không vay và không được tiêu một đồng nào trong số tiền nợ trên nhưng vì anh T là chồng chị nên chị phải có trách nhiệm trả nợ hộ anh ấy mà thôi. Việc cô C khởi kiện chị nhất trí nhưng chị chỉ nhất trí vợ chồng chị trả nợ về tiền gốc là 320.000.000đ;

Về tiền lãi: Chị đồng ý việc cô C yêu cầu tính lãi theo lãi ngân hàng cho vay là 0,8%/tháng; Chị cũng chỉ có khả năng trả theo mức lãi này thôi. Tuy nhiên gốc và lãi chị phải trả dần chứ hiện tại chị chưa có tiền trả ngay cho cô C;

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Quế Võ đã tiến hành lấy lời khai giữa các bên, yêu cầu cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và hòa giải nhiều lần

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các giấy báo làm việc cho anh T, chịN là vợ anh T xác nhận đã giao tận tay cho anh T nhưng anh T không đến Tòa làm việc theo giấy báo nên Tòa án không làm việc được với anh T;

Nội dung các buổi làm việc tại Tòa án giữa chịN và chị C, chịN đều xác định đã thông báo lại cho anh T được biết;

Tòa án đã tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải giữa chị C và chịN nhưng các bên vẫn giữ nguyên quan điểm của mình;

Tại phiên tòa chị C trình bày: Quá trình làm việc tại Tòa án chịN khai đã 02 lần trả nợ cho chị (mỗi lần 40.000.000đ cùng vào ngày 10/11/2017 âm lịch) với tổng số tiền trả hai lần là 80.000.000đ, chứng cứ xuất trình tại tòa án là tờ giấy viết nhận nợ của chị cho chịN và đoạn viết nhận tiền của chị dưới giấy vay tiền; Việc chịN khai về nội dung này là không đúng sự thật; Hai khoản tiền giống nhau cùng ghi trong một ngày chỉ là một

khoản tiền chịN trả cho chị chứ không phải là hai lần trả tuy nhiên nếu chịN là người không ngay thật thì chị cũng không so đo với chịN về một khoản tiền 40.000.000đ. Chị chấp nhận việc chịN yêu cầu tính tiền gốc chỉ còn 320.000.000đ. Chị giữ nguyên yêu cầu tính lãi như hai bên đã trình bày.

ChịN và anh T đã được triệu tập hợp lệ hai lần mà vẫn vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử;

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật, tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng. Kể từ khi thụ lý vụ án đến khi tranh luận tại phiên tòa đều đảm bảo đúng trình tự quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các điều 275, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc chị Lại Thị N và anh Nguyễn Mậu T phải trả chị Nguyễn Thị C số tiền gốc là 320.000.000đ;

Về tiền lãi: Lãi của số tiền gốc 400.000.000đ từ ngày vay đến ngày ngày 10/11/2017 âm lịch (tức ngày 27/12/2017 dương lịch) 04 tháng 25 ngày tính tròn lại là 4 tháng rưỡi là 400.000.000đ x 0,8%/tháng = 3.200.000đ/tháng x 4,5 tháng = 14.400.000đ

Lãi đối với số tiền 320.000.000đ kể từ ngày 28/12/2017 đến nay (10/9/2018) là 08 tháng 13 ngày tính tròn là 08 tháng là 320.000.000đ x 0,8%/tháng = 2.560.000đ/tháng x 08 tháng = 20.480.000đ.

Tổng cộng cả gốc và lãi là 320.000.000đ + 14.400.000đ + 20.480.000đ = 354.880.000đ

Về án phí: Anh T và chịN là người có lỗi nên phải chịu án phí theo quy định cuả pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Chị Nguyễn Thị C và vợ chồng anh Nguyễn Mậu T và chị Lại Thị N có sự quen biết và giữa hai bên có ký kết Hợp đồng vay tài sản vào ngày 02/8/2017 với số tiền vay là 400.000.000đ theo Giấy vay tiền như nguyên đơn xuất trình là đúng sự thật. Hội đồng xét xử xét thấy đây là Hợp đồng vay tài sản mà người vay là anh T, chịN và người cho vay là chị C; số tiền ghi trong giấy vay là 400.000.000đ; về thời hạn vay có ghi rõ là trong hai, ba tháng sẽ trả hết. Căn cứ vào giấy vay nợ, các lời khai và các chứng cứ của các đương sự cung cấp và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy hợp đồng vay tài sản giữa chị C và vợ chồng chịN anh T đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, do vậy hợp đồng vay tài sản trên có hiệu lực pháp luật. Tại thời điểm ký kết hợp đồng các bên có đủ năng lực hành vi, hợp đồng được lập trên ý chí tự nguyện, không bên nào ép buộc bên nào; Vợ chồng anh T, chịN nhận thức được rõ quyền và nghĩa vụ của mình khi ký nhận vay nợ đối với chị C;

Đối với nội dung trình bày về quá trình trả nợ phía bị đơn (chịN) khai cùng ngày 10/11/2017 âm lịch đã trả cho chị C 02 lần mỗi lần 40.000.000đ chứng cứ chứng minh cho 02 lần trả nợ này là việc chị Chuyện nhận tiền trả nợ của chị số tiền 40.000.000đ ghi nhận luôn phía dưới giấy vay tiền của vợ chồng chị với chị C và 01 tờ giấy ghi nội dung chị Chuyện nhận số tiền 40.000.000đ do chị trả mà chị đã nộp cho Tòa án.

Chị C không nhất trí lời khai này. Chị C khai cả hai khoản tiền chịN khai chỉ là 01 lần trả tiền của chịN với chị nhưng sau khi chị ghi nhận tiền trả dưới giấy vay tiền của vợ chồng chịN với chị thì chịN yêu cầu chị viết T 01 giấy riêng để chịN giữ làm tin và đó chính là tờ giấy chịN xuất trình tại Tòa án; Nội dung sự thật chị trình bày như vậy để mọi người cùng biết tuy nhiên chị không so đo với chịN một khoản tiền 40.000.000đ chị chấp nhận trừ tiền trả cho chịN vào tiền gốc là 80.000.000đ; Chị nhất trí việc chỉ khởi kiện đòi vợ chồng chịN tiền gốc chỉ là 320.000.000đ;

Xét thấy nội dung của hai bên đương sự đã thống nhất về khoản tiền gốc không có tranh chấp gì nên cần chấp nhận;

Về tiền lãi: Trong hợp đồng các bên không thỏa thuận lãi suất vay tuy nhiên hai bên đượng sự đều xác nhận có thỏa thuận miệng về lãi và thống nhất tính lãi theo mức lãi ngân hàng cho vay và đề nghị tính theo mức lãi hiện nay làm tròn là 0,8%/tháng; Thời gian tính lãi cụ thể như sau:

Tính lãi của số tiền gốc 400.000.000đ từ ngày vay 02/8/2017 đến ngày trả 80.000.000đ (ngày 10/11/2017 âm lịch tức ngày 27/12/2017 dương lịch);

Ngày 27/12/2017 trừ đi 80.000.000đ tiền gốc rồi nên tính lãi của số tiền gốc còn lại là 320.000.000đ kể từ ngày 28/12/2017 đến nay;

ChịN có lời khai nhất trí việc tính lãi về mức lãi và thời gian tính lãi theo chị C yêu cầu.

Xét thấy nội dung thỏa thuận của các đương sự về mức tính lãi và thời gian tính lãi là có căn cứ nên cần chấp nhận;

Như vậy về tiền lãi được tính cụ thể như sau:

Lãi của số tiền gốc 400.000.000đ từ ngày vay đến ngày trả 80.000.000đ (ngày 10/11/2017 âm lịch tức ngày 27/12/2017 dương lịch 04 tháng 25 ngày tính tròn lại là 4 tháng rưỡi là 400.000.000đ x 0,8%/tháng = 3.200.000đ/tháng x 4,5 tháng = 14.400.000đ

Ngày 27/12/2017 trừ đi 80.000.000đ tiền gốc rồi nên tính lãi của số tiền gốc còn lại là 320.000.000đ kể từ ngày 28/12/2017 đến nay (10/9/2018) là 08 tháng 13 ngày tính tròn là 08 tháng là 320.000.000đ x 0,8%/tháng = 2.560.000đ/tháng x 08 tháng = 20.480.000đ.

Tổng cộng cả gốc và lãi còn phải trả là 320.000.000đ + 14.400.000đ + 20.480.000đ = 354.880.000đ

Về án phí DSST: Anh T và chịN là người có lỗi nên phải chịu án phí.

Hoàn trả lại cho chị C số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 275, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các Điều 147, 186, 207, 228, 239, 243, 249, 260, 264, 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 cuả UBTV Quốc Hội

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị C;

Buộc anh Nguyễn Mậu T và chị Lại Thị N có nghĩa vụ trả nợ chị Nguyễn Thị C số tiền gốc là 320.000.000đ; tiền lãi là 34.880.000đ; Tổng cộng cả gốc và lãi là 354.880.000đ.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Anh Nguyễn Mậu T và chị Lại Thị N phải nộp 17.744.000đ án phí DSST.

Hoàn trả chị Nguyễn Thị C số tiền 9.950.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0002672 ngày 08/6/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Võ.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận kết quả bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKS huyện Quế Võ.
- THA dân sự huyện Quế Võ.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu

Nguyễn Thúy Hằng